

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST  
Ngày 16-4-2021  
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chu Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Tú Nhi.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tô Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2020/TLST- DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Hà Tuyết Nh, sinh năm 2002; địa chỉ: Số 51 (số cũ 32/6) đường Ng, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ: C8C tổ 19, khu phố B, phường L, thành phố Th tỉnh B; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020). Có mặt.

**- Bị đơn:** Bà Võ Thị Tú Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 51 (số cũ 32/6) đường Ng, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu Ch, thị trấn H, huyện H, tỉnh Th. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Cháu Hà Thiên Th, sinh năm 2012.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Th:* Bà Võ Thị Tú Q, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Số 51 (số cũ 32/6) đường Ng, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Cao Văn V trình bày: Cha mẹ của chị Hà Tuyết Nh là ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q. Ông M và bà Q là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D (nay là phường T, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/KH/04, quyền số 01 ngày 29/3/2004. Ông M và bà Q có 02 người con chung tên Hà Tuyết Nh và Hà Thiên Th. Quá trình sống chung ông M và bà Q đã tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế  $77m^2$ , thuộc thửa đất số 185b, 186b, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4500 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2003, cập nhật biến động sang tên cho ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q ngày 12/01/2007.

Ngày 16/4/2016, ông M chết. Sau khi ông M chết thì bà Q, chị Nh và cháu Th tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản này. Trước khi chết ông M không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm: Bà Phạm Thị Th1 (mẹ ruột), bà Võ Thị Tú Q (vợ), Hà Tuyết Nh (con) và Hà Thiên Th (con). Cha ruột của ông M là ông Hà Văn Q1 đã chết vào năm 2009. Do không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế của ông M để lại nên chị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản là  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất diện tích  $38,5m^2$  [ $77m^2 : 2 = 38,5m^2$  (trong đó có  $32m^2$  loại đất ODT và  $6,5m^2$  loại đất BHK)], tọa lạc tại khu phố Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của ông Hà Xuân M thành 04 phần bằng nhau cho những người thừa kế của ông M gồm: Võ Thị Tú Q, Hà Tuyết Nh, Hà Thiên Th, Phạm Thị Th1.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; số tiền còn lại là 187.375.000 (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo kỷ phần thừa kế nguyên đơn được hưởng sẽ giao cho bị đơn là bà Võ Thị Tú Q.

Gắn liền với tài sản tranh chấp là một phần căn nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng, nguyên đơn xác định không tranh chấp. Ông M không để lại các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan, ngoài di sản thừa kế này nguyên đơn không yêu cầu chia di sản nào khác của ông M.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị Tú Q trình bày:

Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Hà Xuân M: Thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn.

Về tài sản tranh chấp: Quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế  $77m^2$ , thuộc thửa đất số 185b, 186b, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4500 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2003 cho ông Nguyễn Văn Quý, cập nhật biến động sang tên cho ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q ngày 12/01/2007; có nguồn gốc do bà Q và ông M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C vào năm 2006. Sau khi ông M chết thì bà Q, chị Nh và cháu Th tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản này. Đây là nơi ở duy nhất của bà mẹ con. Ông M chết không để lại di chúc. Bà Q xác định di sản thừa kế của ông M để lại là  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của vợ chồng có diện tích  $38,5m^2$  [ $77m^2 : 2 = 38,5m^2$  (trong đó có  $32m^2$  loại đất ODT và  $6,5m^2$  loại đất BHK)], tọa lạc tại khu phố Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Q yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M thành 04 phần bằng nhau. Bà Q yêu cầu được nhận bằng

hiện vật và có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị bằng tiền tương ứng với từng kỷ phần được nhận cho các đồng thừa kế còn lại.

Ông M không để lại các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan. Ngoài di sản thừa kế này bà Q không yêu cầu chia di sản nào khác của ông M.

- *Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Th1 trình bày:* Bà Phạm Thị Th1 là mẹ đẻ của ông Hà Xuân M. Ông M đã chết vào ngày 16/4/2016, khi còn sống ông M và bà Q đã tạo lập được nhà và đất tại thửa số 185b, 186b thuộc khu phố Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông M chết không để lại di chúc. Những người được hưởng di sản thừa kế của ông M bao gồm: Phạm Thị Th1, Võ Thị Tú Q, Hà Tuyết Nh, Hà Thiên Th. Cha ruột của ông M là ông Hà Văn Quyền đã chết vào năm 2009. Bà Th1 không có công sức đóng góp gì để tôn tạo, gìn giữ, sửa chữa khối tài sản này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th1 yêu cầu được nhận bằng tiền tương ứng với kỷ phần di sản thừa kế được nhận. Ngoài di sản thừa kế này bà Th1 không yêu cầu chia di sản nào khác của ông M.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Võ Thị Tú Q là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hà Thiên Th trình bày:* Thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Th1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế thứ nhất: Các đương sự thống nhất ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q là vợ chồng có 02 người con chung tên Hà Tuyết Nh, sinh năm 2002 và Hà Thiên Th, sinh ngày 30/10/2012. Mẹ đẻ của ông M là bà Phạm Thị Th1. Ngày 16/4/2016 ông M chết theo giấy chứng tử do Ủy ban nhân dân thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình cấp. Ông M chết không để lại di chúc. Cha đẻ của ông M là ông Hà Văn Q1 (chết năm 2009). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông M gồm 04 người: Bà Võ Thị Tú Q, bà Phạm Thị Th1, chị Hà Tuyết Nh và cháu Hà Thiên Th. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2.2] Về di sản thừa kế: Tổng diện tích đất theo đo đạc thực tế là 77m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 185b, 186b, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4500 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2003 cho ông Nguyễn Văn H, cập nhật biên động sang tên cho ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q ngày 12/01/2007 có nguồn gốc do ông M và bà Q

nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị Kim C vào ngày 27/12/2006. Tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Q và ông M. Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá thành phố Dĩ An xác định tổng giá trị quyền sử dụng đất là 1.899.000.000 (một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu) đồng. Đây là khối tài sản chung của vợ chồng bà Q và ông M nên xét theo phần sở hữu chung thì ông M trước khi chết và bà Q mỗi người có quyền sử dụng đối với  $\frac{1}{2}$  diện tích đất, cụ thể:  $77m^2 : 2 = 38,5m^2$  (trong đó có  $32m^2$  loại đất ODT và  $6,5m^2$  loại đất BHK). Tính giá trị bằng tiền thì phần tài sản của mỗi người là 949.500.000 (chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng. Đối với tài sản thuộc quyền sử dụng của bà Q trong khối tài sản chung của vợ chồng không phải là di sản thừa kế, cần phải giao cho bà Q quản lý, sử dụng.

[3] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế:

[3.1] Do ông Hà Xuân M chết không để lại di chúc nên việc nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M theo quy định của pháp luật là phù hợp với các Điều 649, 650 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Hà Xuân M chết không để lại các nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan nên phần di sản thừa kế của ông được chia cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Tại khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “*Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau*”.

Di sản để chia thừa kế của ông Hà Xuân M là  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất có diện tích  $38,5m^2$ ; trong đó  $32m^2$  loại đất ODT có trị giá 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và  $6,5m^2$  loại đất BHK có trị giá 149.500.000 (một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng; tổng giá trị là 949.500.000 (chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

[3.2] Xét thấy, di sản thừa kế của ông M nằm trong khối tài sản chung với bà Võ Thị Tú Q, diện tích đất không đủ điều kiện để tách thừa theo quy định. Sau khi ông M chết bà Q tiếp tục quản lý và sử dụng tài sản này, đây là nơi ở duy nhất của bà Q và các con. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Q có yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật. Để đảm bảo nơi ở của bà Q và các con cần giao cho bà Q được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là diện tích đất  $77m^2$  và chia di sản thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế. Phần di sản thừa kế của ông M và các đồng thừa kế được hưởng có giá trị là: 949.500.000 (chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng, được chia thành 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 237.375.000 (hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà Võ Thị Tú Q nhận hiện vật nên có trách nhiệm thanh toán lại giá trị bằng tiền tương ứng với từng kỷ phần được nhận cho các đồng thừa kế còn lại.

[3.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hà Tuyết Nh yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của mình với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng; số tiền còn lại 187.375.000 (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng trong kỷ phần được hưởng chị Nh giao cho bà Võ Thị Tú Q. Bà Võ Thị Tú Q đồng ý nhận và chịu án phí đối với phần tài sản này. Đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với phần căn nhà gắn liền với đất các đương sự không tranh chấp. Nguyên đơn yêu cầu ai được nhận di sản bằng hiện vật thì người đó được quyền quản lý, sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử giao phần căn nhà gắn liền với di sản thừa kế tranh chấp cho bà Võ Thị Tú Q quản lý, sử dụng.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện viện kiểm sát.

[6] Chi phí trích lục hồ sơ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản là 5.000.000 (năm triệu) đồng; nguyên đơn chị Hà Tuyết Nh tự nguyện chịu và được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Th1 là người cao tuổi và cháu Hà Thiên Th là trẻ em, đồng thời có đơn xin miễn án phí nên bà Th1 và cháu Th được miễn toàn bộ án phí.

[7.2] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Hà Tuyết Nh và bà Võ Thị Tú Q phải chịu án phí trên số tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 660 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Tuyết Nh về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

- Xác định di sản thừa kế của ông Hà Xuân M để lại là  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế  $38,5m^2$ , thuộc thửa đất số 185b, 186b, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4500 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2003 cho ông Nguyễn Văn H, cập nhật biến động sang tên cho ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q ngày 12/01/2007, có tổng giá trị là 949.500.000 (chín trăm bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn) đồng. [Trong đó  $32m^2$  loại đất ODT có trị giá 800.000.000 đồng và  $6,5m^2$  loại đất BHK có giá trị 149.500.000 đồng].

- Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của ông Hà Xuân M gồm: Bà Võ Thị Tú Q, bà Phạm Thị Th1, chị Hà Tuyết Nh và cháu Hà Thiên Th.

- Bà Võ Thị Tú Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất  $77m^2$  thuộc thửa đất số 185b, 186b, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu Đông B, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 4500 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/7/2003 cho ông Nguyễn Văn H, cập nhật biến động sang tên cho ông Hà Xuân M và bà Võ Thị Tú Q ngày 12/01/2007. Tài sản gắn liền với đất là căn nhà ở riêng lẻ loại 01 tầng, diện tích xây dựng  $77m^2$ . (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Tuyết Nh về việc giao một phần kỷ phần thừa kế của chị Hà Tuyết Nh cho bà Võ Thị Tú Q là 187.375.000 (một trăm tám mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Bà Võ Thị Tú Q có trách nhiệm thanh toán cho chị Hà Tuyết Nh một phần kỷ phần thừa kế được hưởng là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

- Bà Võ Thị Tú Q có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Thị Th1 kỷ phần thừa kế được hưởng là 237.375.000 (hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

- Bà Võ Thị Tú Q có trách nhiệm thanh toán cho cháu Hà Thiên Th kỷ phần thừa kế được hưởng là 237.375.000 (hai trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Do cháu Hà Thiên Th chưa thành niên nên giao cho bà Võ Thị Tú Q quản lý tài sản này theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí trích lục hồ sơ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Chị Hà Tuyết Nh tự nguyện chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Th1 là người cao tuổi và cháu Hà Thiên Th là trẻ em; đồng thời có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn nộp tiền án phí.

- Chị Hà Tuyết Nh phải nộp 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng; được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0048844 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Hà Tuyết Nh còn phải nộp 1.250.000 (một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Bà Võ Thị Tú Q phải nộp số tiền 20.990.000 (hai mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Vân**